

BÁC ÁI CỦA CÔNG GIÁO TRONG SÁCH TÂN ƯỚC VÀ Ý NGHĨA THỰC TIỄN

Tóm tắt: Theo triết học Công giáo, bác ái là “tình yêu” của con người dành cho Thiên Chúa và cho tha nhân (hoặc những người anh em) trong hành động của những người công nhận quyền năng của Thiên Chúa. Trong sách Tân Ước, tư tưởng bác ái được thể hiện rõ ràng thông qua lời rao giảng của Chúa Jesus và các Tông đồ được tóm tắt ngắn gọn trên hai chiều cạnh là “kính Chúa, yêu người”. Bài viết phân tích hai chiều cạnh của tư tưởng bác ái và ý nghĩa thực tiễn của tư tưởng bác ái.

Từ khóa: Bác ái, Công giáo, Tân Ước, luân lý.

1. Tình yêu con người dành cho Thiên Chúa

Theo Công giáo, Chúa Jesus tóm tắt các bổn phận của con người đối với Thiên Chúa bằng giới răn: Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người. Điều này xuất phát từ Cựu Ước, sách Đệ nhị luật chép: “Nghe đây, hỡi Israel, Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất. Người hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, hết lòng, hết dạ hết sức anh em” (Đnl 6, 4)¹. Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta trước. Tình yêu Thiên Chúa duy được thể hiện ở điều đầu tiên trong “Thập giới”: “Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của người, đã đưa người ra khỏi đất Ai Cập, khỏi cảnh nô lệ. Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta” (Xh 20, 2-3)². Điều răn thứ nhất cũng là đòi hỏi chính đáng về mặt luân lý là con người phải đón nhận và tôn thờ Thiên Chúa, Đấng đã cho con người sự sống. Tình yêu của con người dành cho Thiên Chúa phải bao gồm:

Thứ nhất, tin vào Thiên Chúa. Trong cuộc sống hầu như ai cũng phải tin vào một điều gì đó, việc tin vào Thiên Chúa được xem như một thứ luân lý bởi Thiên Chúa đã tạo ra vũ trụ vạn vật, tạo ra chúng ta và trao vũ trụ vạn vật vào tay cho con người cai quản. Thánh Paul coi niềm tin vào

* Khoa Triết học, Học viện Khoa học xã hội.

Thiên Chúa như là nghĩa vụ đầu tiên của con người. “Nhờ Người, chúng tôi nhận được đặc ân điển và chức vụ tông đồ làm cho hết thảy các dân ngoại vâng phục Tin Mừng, hầu danh Người được rạng rỡ” (Rm 1,5) ³. Theo Paul, chính sự không nhận biết Thiên Chúa là nguyên nhân sâu xa cho mọi sự lệch lạc luân lý, bỗ phận của con người đối với Thiên Chúa chính là tin vào Thiên Chúa. Nói cách khác, do trong bản thân mỗi con người, ai cũng có phần linh hồn thiêng liêng, nên việc có niềm tin thiêng liêng là nhu cầu bởi nó có tác dụng thánh hóa cuộc sống, ràng buộc người ta sống có luân lý theo chuẩn tắc nhất định của niềm tin đó.

Thứ hai, hy vọng vào Thiên Chúa. Theo Công giáo, con người vốn là một thụ tạo do vậy đứng trước công trình sáng tạo của Thiên Chúa, con người trở nên bé nhỏ và cần được Thiên Chúa ban cho sức mạnh để cai quản vạn vật và yêu mến Thiên Chúa, bởi đã một lần mắc tội trước Chúa. Hy vọng vào Thiên Chúa cũng là sự mong chờ đầy tin tưởng vào sự ân sủng, lời chúc lành của Thiên Chúa, vinh quang khi đến bên Ngài. Hình ảnh gợi lên niềm hy vọng nhất chính là hình ảnh Tông đồ John tựa đầu vào vai Chúa Jesus với tất cả niềm kính yêu và trông cậy. Đối với mỗi người, hy vọng vào Thiên Chúa chính là cứu cánh xuất phát từ phần thâm sâu nhất trong con người. Hy vọng vào sự tha thứ, bao dung của Thiên Chúa nâng người ta dậy nếu chẳng may có vấp phạm. Hy vọng vào sự an ủi của Thiên Chúa cũng là cứu cánh tinh thần cho tín đồ khi đối mặt với các khó khăn trong cuộc sống, vốn đầy rẫy những vất vả và không như ý muốn.

Thứ ba, kính mến Thiên Chúa. Tin vào tình yêu Thiên Chúa bao hàm cả việc bắt buộc phải đáp lại tình yêu của Thiên Chúa bằng lòng kính mến chân thành. Trong đó phải yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự và yêu mến mọi thụ tạo nhờ Thiên Chúa và vì Thiên Chúa mà hiện diện trên thế gian này. Kính mến Thiên Chúa còn giữ cho mối quan hệ giữa con người với Thiên Chúa trở nên gần gũi thân thuộc. Ngày nay, mối quan hệ này càng gần gũi hơn nữa, người ta đến cầu nguyện trước nhan Chúa, nhưng cũng có người nói rằng, họ đến gặp Chúa, để thưa chuyện với Ngài như đi tìm một điểm tựa cho người ta những khi khó khăn, sóng gió và cũng có khi lặng im suy niệm bên nhan Chúa để lắng nghe Ngài nói chuyện với riêng họ.

Về thứ nhất là kính Chúa trong tư tưởng bác ái bao gồm các khía cạnh: Tin vào Thiên Chúa, điều này bao gồm đặt niềm tin tưởng, trông cậy vào Thiên Chúa an lành trong ngày phán xét cánh chung và khi đi qua cánh cửa cuộc đời. Hy vọng vào Chúa, trong cuộc sống con người

không thể tránh khỏi có những thời điểm thực tại không đạt được như mong muốn, vào những lúc này, niềm hy vọng chính là động lực để người ta vươn lên, hy vọng vào Thiên Chúa và tương lai sẽ giúp con người ta có động lực để bước tiếp. Một khi niềm hy vọng vào đấng thiêng liêng được thắp lên, thì người ta dễ dàng vượt qua những khó khăn bởi cho dù thế nào thì ở phía trước vẫn có người đón đợi và tha thứ mọi lỗi lầm nếu biết sống trong tình bác ái với tha nhân. Kính mến Thiên Chúa còn là luân lý đòi buộc chúng ta phải yêu kính đấng đã tạo ra mình một cách chân thành.

2. Tình yêu con người dành cho nhau

Để trả lời câu hỏi về giới răn thứ hai, Chúa Jesus nói: “Điều răn thứ hai là, Người phải yêu người lân cận như chính mình. Chẳng có điều răn nào lớn hơn các điều răn đó cả” (Mc 12,29-31)⁴. Tiếp lời thầy của mình, Tông đồ Paul giải thích rõ ràng hơn: “Ai yêu người thì đã chu toàn Lễ Luật. Thật thế, các điều răn như: Không được ngoại tình, không được giết người, không được trộm cắp, không được ham muốn, cũng như các điều răn khác đều tóm lại trong lời này: Người phải yêu người lân cận như chính mình. Đã yêu người thì không làm hại người đồng loại, yêu thương là chu toàn Lễ Luật vậy” (Rm 13, 8-10)⁵. Trong quan điểm về tình yêu con người dành cho nhau, thứ tự của từng nhân đức này được quy định rất rõ ràng.

2.1. Thờ kính cha mẹ và tổ tiên

Chúa Jesus đã nhấn mạnh nhân đức này khi Người chất vấn thói giả hình những người Pharisees: “Các ông thật khéo coi thường điều răn của Thiên Chúa để nắm giữ truyền thống của các ông. Quả thế, ông Moise dạy rằng, người hãy thờ kính cha mẹ và kẻ nào nguyền rủa cha mẹ thì phải bị xử tử. Còn các ông lại bảo: Người nào nói với cha mẹ rằng, những gì con giúp cha mẹ đều là “co-ban” nghĩa là lễ phẩm đã dâng lên Thiên Chúa rồi” (Mc 7,8-13)⁶. Tông đồ Paul giải thích cặn kẽ hơn: “Kẻ làm con, hãy vâng lời cha mẹ theo tinh thần của Chúa, vì đó là điều phải đạo. Hãy tôn kính cha mẹ. Đó là điều răn thứ nhất có kèm theo lời hứa: để người được hạnh phúc và hưởng thọ trên mặt đất này” (Ep 6,1-13)⁷. Công giáo quan niệm, sau Thiên Chúa, người ta phải tôn kính cha mẹ. Cha mẹ là những người mà mỗi người chúng ta phải chịu ơn về sự sống vì họ là những người lưu truyền sự sống cho chúng ta và nuôi dạy người ta khôn lớn. Mở rộng theo lẽ này, người ta phải tôn kính tất cả những

người được Thiên Chúa trao cho quyền bính để mang lại sự trưởng thành và mưu ích cho mỗi người chúng ta như thầy, cô giáo, họ hàng ruột thịt... Việc thờ kính cha mẹ, tổ tiên cũng là sự khởi đầu cho các nhân đức tiếp theo, cũng là sự khởi đầu cho sự bước ra xã hội của con người.

Quan điểm này rõ ràng nhắm đến việc răn dạy con cái trong mối quan hệ với cha mẹ bởi đây là mối quan hệ cơ bản nhất, ai cũng phải có và ảnh hưởng rất lớn đến các mối quan hệ xã hội của con người. Quan điểm này còn liên quan tới quan hệ đồng tộc, họ hàng, đòi hỏi chúng ta tôn kính, yêu mến và biết ơn ông bà tổ tiên. Tiếp theo đó, quan điểm này còn mở rộng đến các mối quan hệ thầy - trò, chủ - thợ, công dân với tổ quốc. Quan điểm thờ kính cha mẹ không chỉ đòi buộc những người dưới phải yêu kính người trên, mà còn đòi buộc những người trên phải có trách nhiệm tương xứng với người bên dưới. Việc tuân giữ nhân đức này được tin tưởng sẽ đem lại hoa trái thiêng liêng, những lợi ích trần thế là sự bình an và thịnh vượng.

2.2. Tôn trọng đặc biệt sự sống con người

Yêu cầu sự tôn trọng đặc biệt dành cho sự sống cả con người đã được Chúa Jesus đề cao: “Anh em đã nghe Luật dạy người rằng: Chớ giết người; ai giết người thì đáng bị đưa ra tòa. Còn thầy, thầy bảo cho anh em biết: Ai giận anh em mình thì đáng bị đưa ra tòa” (Mt 5, 21-22)⁸.

Theo Kinh Thánh thì sự sống con người phải được coi là điều linh thánh vì từ lúc khởi đầu, sự sống đó đòi hỏi phải có hành động của Thiên Chúa và sự sống của con người được mãi mãi liên kết đặc biệt với Thiên Chúa, và Thiên Chúa là cùng đích duy nhất của sự sống con người. Toàn bộ cuộc sống của một con người từ lúc hình thành thai nhi trong bụng mẹ cho đến khi từ giã cõi đời là điều linh thánh bởi vì con người được Thiên Chúa tạo ra theo hình ảnh của Ngài, mỗi người đều là hình ảnh của Ngài, mỗi người đều là đền thờ của Chúa Thánh Thần. Chỉ duy nhất Thiên Chúa mới là Chúa của sự sống từ khi khởi đầu cho đến lúc kết thúc, ngoài ra không có bất cứ ai, trong bất cứ hoàn cảnh nào có thể giành cho mình quyền trực tiếp mang lại cái chết cho một thu tạo nhân linh vô tội.

Để việc tôn trọng sự sống con người bước sâu hơn nữa vào cuộc sống của con người, ngăn cản tận gốc mối bất hòa giữa người với người, Chúa Jesus còn cấm giận dữ, căm ghét và báo thù: “Thầy bảo cho anh em biết, ai giận anh em mình, thì đáng bị đưa ra tòa. Ai mắng anh em mình là đồ ngốc, thì đáng bị đưa ra Thượng Hội đồng” (Mt 5,22)⁹. Đi xa hơn nữa,

Chúa Jesus còn đòi hỏi môn đệ: “Thầy bảo cho anh em: Hãy yêu thương kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em” (Mt 5, 44)¹⁰. Chính Chúa Jesus cũng làm gương việc này khi yêu cầu Tông đồ Peter tra gươm vào bao khi ông này rút gươm chém một tên lính La Mã để bảo vệ Chúa Jesus, thầy của mình.

Tôn trọng đặc biệt sự sống cũng bao hàm cả việc tự vệ hợp pháp. Triết học Công giáo cũng khá rạch ròi trong việc ủng hộ hành động tự vệ hợp pháp. Các giáo phụ cho rằng, không có điều gì ngăn cấm hành vi có hai hậu quả, trong khi chỉ có một hậu quả do chủ ý, còn lại là không chủ ý. Tình yêu đối với mạng sống của chính mình luôn là nguyên tắc căn bản, do đó, cần phải làm sao để quyền được sống của mình được tôn trọng một cách hợp pháp. Do vậy, nếu ai đó có giáng một đòn nặng vào kẻ tấn công nhằm bảo vệ mạng sống của mình thì được xem như không có tội trước Thiên Chúa.

Tôn trọng linh hồn người khác bằng cách không làm họ sa ngã. Làm người khác sa ngã là thái độ hoặc hành động dẫn người khác đến chỗ đánh mất đi niềm tin vào Thiên Chúa, làm điều xấu ác, tạo thuận lợi cho tội tổ tông bị nhiễm phát tác hậu quả xấu. Ai làm người khác sa ngã về niềm tin và làm điều xấu, thì kẻ đó chính là ma quỷ, cũng giống như con rắn trong sách Sáng thế đã cám dỗ Eva và Adam ăn trái cấm; việc làm sa ngã người khác là một trọng tội.

Tôn trọng sự toàn vẹn của thân thể, sức khỏe thể lý. Sức khỏe thể lý, nói cách khác là thân thể từng con người là do Thiên Chúa tạo thành, đó là điều quý giá mà Thiên Chúa trao cho mỗi người. Do vậy, mọi người không thể tự ý hủy hoại thân thể của mình cũng như hủy hoại thân thể người khác. Tuy nhiên, việc tôn trọng sức khỏe thân thể không phải là tuyệt đối, tránh sa vào tình trạng tôn thờ thân xác, hoặc sa vào ăn uống, luyện tập quá độ. Không được quên rằng, linh hồn mới có sự sống đời đời, còn thân xác phải trở về cát bụi.

Tôn trọng và chu đáo cho người qua đời. Người qua đời, tức là chết về thể lý, là khởi đầu cho chuyến đi về với Thiên Chúa, do vậy, người sắp qua đời cần được quan tâm chăm sóc một cách xứng đáng để họ được ra đi bình an, cũng như chuẩn bị cho họ mọi việc cần thiết để thực hiện chuyến đi cuối cùng. Các hành xử khác đối với thân thể người đã qua đời như khám nghiệm, hiến tặng bộ phận thân thể... buộc phải tuân thủ luân lý và tinh thần cộng đồng, tạo phúc và phục sinh.

2.3. Giữ gìn đặc biệt cuộc sống hạnh phúc lứa đôi

Về việc này, Chúa Jesus dạy môn đệ: “Anh em đã nghe luật dạy rằng: Chớ ngoại tình. Còn thầy, thầy bảo cho anh em biết: Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn, thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi” (Mt 5,27-28)¹¹.

Theo quan điểm của Công giáo, Thiên Chúa tạo ra con người có nam có nữ theo hình ảnh của chính mình, cùng với đó Thiên Chúa cũng khắc ghi vào bản tính con người cả nam và nữ lời mời gọi cùng với khả năng và trách nhiệm sống với nhau trong tình yêu đôi lứa và sự chia sẻ với nhau cả thể xác và tâm hồn. Từng bên một cả nam và nữ đều bình đẳng về phẩm giá, cho dù cách thức thực hiện sự bình đẳng và phẩm giá có khác nhau, nhưng đều là sự phản ánh trên thực tế quyền năng và lòng thương xót của Thiên Chúa. Sự kết hợp giữa nam và nữ trong hôn nhân cũng là sự thể hiện lòng quảng đại của Thiên Chúa và từ sự kết hợp đó, các thế hệ sau ra đời. Hôn nhân trong Công giáo chính là sự kết hợp tự nguyện giữa người nam và người nữ trong sự tác hợp của Thiên Chúa. Tình cảm yêu đương lứa đôi ảnh hưởng trên mọi phương diện của đời sống con người, kể cả trong sự hợp nhất linh hồn với thể xác. Do vậy, mỗi người cả nam và nữ đều phải nhận ra và chấp thuận căn tính yêu đương của mình, tức là chấp thuận người bạn đời của mình như là sự sắp đặt của Thiên Chúa. Để giữ gìn cuộc sống hạnh phúc lứa đôi người ta cần:

Sống khiết tịnh, là việc hòa nhập thành công tính dục trong con người và qua đó là sự thống nhất nội tâm của con người vừa là thực tại tinh thần lại vừa là thể xác. Để thực hiện được lối sống khiết tịnh, người ta cần sự tự làm chủ bản thân, chế ngự các đam mê. Lựa chọn ở đây là rõ ràng, hoặc con người chế ngự được các đam mê để sống an bình, hoặc là để các đam mê dẫn dắt hướng tới bất hạnh trong đời sống lứa đôi và phá hoại đi tính thiêng liêng trong cuộc sống của mỗi người.

Chung thủy vợ chồng, đôi nam nữ kết hợp với nhau qua hôn nhân làm nên cộng đồng sống thân mật và tình yêu chồng vợ. Cộng đồng này được thiết lập bằng giao ước của người nam và người nữ trước nhan Thiên Chúa và cộng đoàn. Nghĩa là đôi vợ chồng cưới nhau bằng sự ưng thuận tự nguyện của cả hai bên và được Thiên Chúa ban cho những luật lệ riêng và giao ước này là không thể thu lại. Lòng chung thủy vợ chồng diễn tả sự kiên trì tuân giữ những lời đã cam kết. Thiên Chúa là đáng trung tín,

do đó Bí tích Hôn phối đã đưa đôi nam nữ vào sự trung tín của Chúa Jesus và thông qua việc sống khiết tịnh, thủy chung một vợ một chồng, các cặp vợ chồng đã làm chứng cho lòng trung tín của Thiên Chúa tại trần gian.

Sinh con, con cái là tặng phẩm tuyệt vời mà Thiên Chúa ban cho các đôi vợ chồng. Theo Công giáo, những đứa con là quà tặng của Thiên Chúa, cũng là quà tặng của hôn nhân dành cho đôi vợ chồng. Những đứa con có quyền như: Quyền được hiện hữu với tư cách là hoa trái xuất phát từ tình yêu của cha mẹ nó; nó có quyền được tôn trọng ngay từ lúc mới hình thành trong bụng mẹ. Khi ra đời, nó có quyền được nhận sự chăm sóc và nuôi dưỡng cả về thể chất và tinh thần để trưởng thành. Vô sinh không phải là điều tuyệt đối xấu, các đôi vợ chồng sau khi nhận được sự trợ giúp cần thiết của y khoa mà vẫn không có con, có thể nhận con nuôi.

2.4. Tôn trọng quyền sở hữu của cải của người khác

Về điều này, Chúa Jesus dạy: “Người không được trộm cắp” (Mt 19,18)¹². Trong Thư Cô-rinô 1, Thánh Paul giải thích rõ hơn lời thầy của mình: “Những kẻ trộm cướp, tham lam... sẽ không được Nước Chúa làm cơ nghiệp” (1 Cr 6,10)¹³. Tôn trọng quyền sở hữu của cải của người khác là cấm lấy hoặc giữ của cải của người khác một cách bất công, hoặc làm thiệt hại của cải của người khác bằng bất cứ cách nào, vì bất cứ lý do gì. Mọi người phải tuân giữ đức công bằng về của cải nơi trần thế và thành quả lao động của con người. Tôn trọng quyền sở hữu của cải đòi hỏi sự tôn trọng quyền tư hữu, nhưng cũng tôn trọng quyền chung hưởng của cải trần thế được Thiên Chúa ban cho loài người khi tạo dựng trái đất và vũ trụ.

Quyền chung hưởng và quyền tư hữu của cải. Ngay từ đầu Thiên Chúa đã trao Trái Đất và các tài nguyên của nó cho toàn thể mọi người cùng nhau quản lý bằng sức lao động và chung hưởng hoa lợi sinh ra từ Trái Đất. Như vậy, của cải trên thế gian là của chung toàn thể nhân loại, quyền chung hưởng đã được thiết lập. Tuy nhiên, Trái Đất lại được chia ra giữa con người với nhau để đảm bảo sự an toàn cho cuộc sống của họ, cũng là cách cho con người thể hiện năng lực của họ trong việc tham gia vào công trình sáng tạo của Thiên Chúa. Do vậy, tư hữu của cải vật chất mà người ta bỏ sức ra tác động vào thế giới mà giành được là quyền và hợp với lẽ tự nhiên. Tư hữu cũng giúp con người đảm bảo sự tự do và phẩm giá con người, đáp ứng nhu cầu của bản thân và nhu cầu giúp đỡ

người khác. Tuy nhiên, quyền chung hưởng của cái vật chất vẫn đứng ở vị trí hàng đầu, bất chấp quyền tư hữu cần phải được tôn trọng để thăng tiến công ích.

Tôn trọng mọi người và quyền sở hữu của cái của họ. Trong mối liên hệ với người khác về kinh tế, việc tôn trọng quyền sở hữu của cái đòi hỏi phải thực thi đức tiết độ để kiềm chế sự say mê của cái trần thế, thực thi đức công bằng để bảo vệ và trả lại cho người khác những của cải thuộc về họ và tinh thần đoàn kết giữa những người anh em trong Chúa để cư xử với nhau như ruột thịt, sẵn sàng nhường nhịn, tránh mọi tranh chấp. Cấm ăn trộm, ăn cắp còn có nghĩa là cấm mọi hành vi chiếm đoạt của cải của người khác trái với ý muốn của họ. Hành vi trộm cắp cũng được mở rộng ra cả việc cố tình không trả nợ, gian lận tiền bạc trong giao dịch; cân thiếu, đong đẩu vơi, lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người khác để trục lợi trong buôn bán. Hành vi lấy của người khác sẽ không bị coi là trộm cắp nếu như biết trước được sự ưng thuận của chủ sở hữu, hoặc sự từ chối của chủ sở hữu là trái với luân lý và nhu cầu phải rõ ràng và khẩn cấp. Người ta có thể lấy mà không kịp xin phép một chiếc xe để đưa người đi cấp cứu, thì hành vi đó không thể coi là lấy trộm xe.

Quyền chung hưởng của cái đi cùng với yêu thương người nghèo. Chúa Jesus dành cho nhân đức này lời chúc tốt lành nhất trong mọi điều tốt lành rằng: Thiên Chúa chúc phúc cho những ai giúp đỡ người nghèo và kết án những ai quay lưng lại với họ. “Ai xin thì hãy cho, ai muốn vay mượn thì đừng ngoảnh mặt đi” (Mt 5,42)¹⁴ và anh em đã được cho không, thì cũng phải cho không như vậy. Đức yêu thương người nghèo còn được mở rộng trở thành một thứ đòi buộc và trách nhiệm của những người nắm giữ nhiều của cải vật chất với chân lý đơn giản: Bạn đã lấy nhiều hơn phần của mình một cách tự nhiên, mà không phải trả bất cứ thứ gì từ công trình sáng tạo của Thiên Chúa và luân lý đòi buộc bạn phải trao những thứ nằm ngoài nhu cầu chính đáng của bạn cho người nghèo và phần thưởng dành cho bạn lớn hơn bất cứ phần thưởng nào có ở trên đời, đó là lời chúc phúc của Đấng ban sự sống. Còn người nghèo cũng phải làm việc, tham gia vào công trình sáng tạo của Thiên Chúa để tự lấy ra những thứ của mình và cũng là để giúp đỡ người khác đang còn nghèo khó.

2.5. Tôn trọng chân lý trong quan hệ với người khác

Chân lý là lẽ thật vốn có một cách khách quan. Người ta phải nhìn nhận nó, không phụ thuộc vào ý sở thích hay ý muốn cá nhân. Chân lý

cũng là thực tại trong nhận thức con người ta đúng như chúng tồn tại nơi thực tế khách quan. Tomas Aquino nói gọn hơn: Chân lý là sự tương hợp giữa sự vật với trí khôn. Công giáo quan niệm, chân lý là một nhân đức, là việc con người tỏ ra mình thành thật trong các hành vi và lời nói, tránh xa lối sống hai mặt, đạo đức giả.

Thiên Chúa là ngọn nguồn chân lý. Cựu Ước chép: “Căn nguyên Lời Ngài là chân lý, mọi quyết định công minh của Ngài tồn tại muôn năm” (Tv 119, 160)¹⁵. Sang đến Tân Ước, Tin Mừng John cho biết, Chúa Jesus được sai đến là để làm chứng cho sự thật. Chúa Jesus nói kỹ hơn: “Anh em còn nghe luật ngày xưa dạy rằng: Chớ bội thề, nhưng hãy trọn lời thề với Chúa” (Mt 5, 33)¹⁶. Tôn trọng chân lý tức là căm xuyên tạc sự thật trong mọi mối quan hệ với người khác. Điều này là một thứ luân lý xuất phát từ quan hệ của con người với Thiên Chúa rằng, “Thiên Chúa nhất định là Đấng chân thật” (Rm 3, 4)¹⁷. Cho nên các thụ tạo của Thiên Chúa phải sống trong chân thật và làm chứng cho sự thật. Tất cả những việc con người làm sai lệch chân lý dù bằng lời nói hay hành động đều là hành vi chống lại sự chân thật của Thiên Chúa. Hơn thế nữa, làm sai lệch chân lý còn là sự bất trung căn bản đối với Thiên Chúa và phá hoại mọi nền tảng của Giao ước. Để có thể tôn trọng chân lý, người ta phải sống trong chân lý, bảo vệ chân lý.

Sống trong chân lý. Để có thể tránh được gian dối, con người phải sống trong chân lý. Theo Công giáo, con người đã được Thiên Chúa trao ban thiên tính từ khi tạo ra loài người có được bản tính tự nhiên là hướng đến chân lý. Do vậy, mọi người được thúc đẩy bởi phẩm giá của chính bản thân mình và nghĩa vụ luân lý buộc phải sống trong chân lý và gắn bó với chân lý. Chân lý hoặc sự chân thật chính là một nhân đức tỏ ra ở con người qua lời nói, hành động thành thật, chân thành trong quan hệ với người khác. Con người ta không thể sống với nhau toàn vẹn nếu thiếu đi niềm tin vào nhau, nói cách khác là con người phải sống thành thật với nhau. Chúa Jesus dạy các môn đệ trong lời ăn tiếng nói: “Nhưng hễ có thì phải nói là có, không thì phải nói rằng không. Thêm thắt điều gì là do ác quỷ” (Mt 5, 37)¹⁸.

Bảo vệ chân lý. Đứng trước mặt Pilate (Phi-la-tô), Chúa Jesus tuyên bố, Ngài đến để làm chứng cho chân lý và do vậy, mọi người không được do dự hay hổ thẹn mà không dám bảo vệ sự thật. Bảo vệ chân lý là một hành vi của đức công bằng khi làm cho sự thật được sáng tỏ hoặc thiết

lập sự thật. Phần thưởng cho việc bảo vệ chân lý là sự trưởng thành trong con người về sự thánh thiện và công chính, bảo vệ chân lý sẽ rũ bỏ được khỏi con người sự gian dối, giải phóng tâm hồn trở nên thánh thiện. “Vậy, anh em hãy từ bỏ mọi thứ gian ác, mọi điều xảo trá, giả hình và ghen tuông cùng mọi lời nói xấu gièm pha” (1 Pr 2, 1)¹⁹, để “mặc lấy con người mới, là con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, để thật sự sống công chính và thánh thiện” (Ep 4, 24)²⁰.

2.6. Kiểm chế dục vọng

Những nguy hại từ dục vọng đã khiến Cựu Ước cấm một cách gắt gao: “Người không được ham muốn vợ người ta” (Xh 20, 17)²¹. Trong Tân Ước, Chúa Jesus nhẹ nhàng, nhưng sâu sắc: “Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi” (Mt 5, 28)²².

Con người gồm cả phần thiêng liêng và phần xác thịt, do đó, trong mỗi con người luôn có một sự giằng co giữa hai phần này với nhau. Trong trường hợp này, dục vọng (tức là ước muốn) của xác thịt đang đi ngược lại với lý trí. Sự giằng co này trong con người là di sản của Tội Tổ tông, nó vừa là hậu quả, nhưng cũng là bằng chứng về việc con người có nguy cơ sa vào tội lỗi bất cứ khi nào. Nhằm kiểm chế dục vọng, người ta cần thanh tẩy để có tâm hồn trong sạch và chống lại dục vọng để không còn ham muốn trái luân lý.

Thanh tẩy để có tâm hồn trong sạch. Theo Thánh Matthew (Mác-thêu), tâm hồn là nơi xuất phát của những tội lỗi, từ lòng người ta là nơi xuất phát những ý định gian tà, những tội lỗi như ngoại tình hay tà dâm. Do vậy, phải thanh tẩy tâm hồn để chống lại những dục vọng xác thịt và mở lối cho phần linh hồn hướng lái con người về phía thiêng liêng²³. Để có được tâm hồn trong sạch người ta cần làm cho trí tuệ, và ý chí phù hợp với sự thánh thiện chủ yếu trên các lĩnh vực bao gồm tình yêu, sự khiết tịnh, ngay thẳng về tính dục và trong sự yêu mến chân lý và Thiên Chúa. Có được tâm hồn trong sạch được coi là một trong tám mối phúc, được Chúa chúc lành: “Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa” (Mt 5, 8)²⁴. Có được tâm hồn trong sạch sẽ giúp người ta nhìn nhận mọi người và sự vật xung quanh theo cái nhìn của Thiên Chúa. Cái nhìn trong sạch giúp người ta nhận ra thân thể của con người, của mình và của người lân cận như là đền thờ của Chúa Thánh Thần, cái đẹp hình thể còn bao hàm cả vẻ đẹp thiêng liêng.

Kiên trì chống lại dục vọng để giữ tâm hồn trong sạch. Trong cuộc sống, để tránh sa ngã vào dục vọng, người ta cần kiên trì trong việc kiềm chế dục vọng bởi những tác nhân thúc đẩy dục vọng xác thịt và các ham muốn vô luân lý luôn xuất hiện. Để làm được điều này, người ta cần sống khiết tịnh, yêu thương mọi người bằng trái tim ngay thẳng, không phân biệt. Trong đó, phải trong sạch ngay từ trong suy nghĩ và có cái nhìn trong sạch, kiểm soát được các giác quan và trí tưởng tượng, khước từ các thú vui với tinh thần không trong sạch.

2.7. Cấm việc ham muốn của cái của người khác

Ngay từ rất xa xưa, Cựu Ước đã ngăn cấm: “Người không được ham muốn nhà người ta, người không được ham muốn vợ người ta, tôi tớ nam nữ, con bò con lừa hay bất cứ vật gì của người ta” (Xh 20, 17)²⁵. Sang Tân Ước, Chúa Jesus nhắc nhở sâu sắc: “Kho tàng của anh ở đâu thì lòng anh ở đó” (Mt 6, 21)²⁶.

Sự ham muốn tác động lên tâm hồn con người ta từ các giác quan, khiến chúng ta ước muốn những điều, những thứ mà người ta không có. Do vậy, khi không kìm giữ được các ham muốn chính đáng, người ta ham muốn một cách bất chính của cái của người khác, hành động được thúc đẩy bởi các ham muốn này sẽ đẩy người ta vào tội lỗi và làm điều bất công gây thiệt hại cho người khác như ăn trộm, ăn cắp, cướp bóc, chiếm đoạt của cái của người khác.

Cấm các ham muốn bất chính là nhằm triệt hạ việc không kìm nén được sự ham muốn vô độ và bất chính của con người bởi sự ham muốn của cái của con người thì bao la vô tận, chẳng bao giờ thỏa mãn. “Người thích tiền bạc có bao nhiêu cũng không thấy làm đủ; kẻ bo bo giữ của chẳng thu được lợi lộc gì” (Gv 5, 9)²⁷. Cấm ham muốn bất chính cũng đòi hỏi phải loại bỏ cả sự ghen tị ra khỏi tâm hồn con người. Sự ghen tị có thể dẫn tới việc làm tội lỗi nhất bởi chính vì sự ghen tị mà thiên thần tốt đẹp do Thiên Chúa tạo dựng đã biến thành quỷ Satan, dụ dỗ Adam và Eva phạm Tội Tổ tông. Để tránh khỏi mắc vào việc ham muốn của người khác, người ta cần tuân thủ lề luật được Chúa Jesus kiện toàn để giữ cho được tâm hồn trong sạch.

Tuân thủ lề luật của Thiên Chúa. Việc tuân thủ lề luật sẽ lấp đầy khoảng trống trong tâm hồn, giúp tâm hồn con người thoát khỏi sự ham muốn bất chính của cái của người khác cũng như sự ghen tị với người khác. Từ Cựu Ước cho đến Tân Ước, các bậc thánh hiền đã luôn cảnh

giác, giúp con người chống lại những điều từ những ham muốn quá đáng từ nguyên thủy như ăn phải ngon, nhìn phải đẹp, cũng như phải thỏa mãn các giác quan xác thịt khác.

Giữ cho được tâm hồn nghèo khó. Tâm hồn nghèo khó cũng chính là tâm hồn đơn sơ giản dị, không ham muốn của cải của người khác. Điều này được Chúa Jesus chúc phúc: “Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ”. Sự nghèo khó ở đây không phải là việc buộc phải nghèo về tiền bạc, hoặc từ bỏ ước mơ tham gia vào công trình tạo dựng của Thiên Chúa để lấy ra của cải vật chất phục vụ sự phát triển của mình và giúp đỡ người khác, mà là sự đơn giản trong tâm hồn, không có các ham muốn bất chính của cải của người khác.

3. Ý nghĩa hiện thực của bác ái của Công giáo trong Tân Ước

3.1. Tư tưởng bác ái trong Tân Ước mở ra việc chống lại cái ác bằng cái thiện

Trong suốt chiều dài cuộc sống của nhân loại, có một vấn đề không thể bỏ qua, đó là sự tồn tại của cái ác và việc chống lại cái ác như thế nào trong quan hệ giữa người với người. Trong từng con người thì việc gặp phải những điều ác trong cuộc sống là lẽ đương nhiên, ai cũng gặp phải. Tuy nhiên, chống lại cái ác như thế nào lại là một câu hỏi lớn, nhân loại không thể bỏ qua và từng cá nhân cũng vậy và Công giáo đã làm thật tốt điều này.

Trước khi Chúa Jesus rao giảng về việc yêu thương, tha thứ, cầu nguyện cho kẻ thù, ở khu vực Lưỡng Hà, người ta dường như chỉ có một phương cách duy nhất để chống lại cái ác là dùng cái ác chống lại cái ác, dùng bạo lực chống lại bạo lực. Để làm được như vậy, mỗi bên trong cuộc tranh đấu chống lại cái ác do bên kia gây ra đều cố thuyết phục người của bên mình rằng, chúng ta đang dùng cái thiện, phe ta đang có lý lẽ để hủy diệt kẻ thù bằng bạo lực, cái ác của bên đối địch là tuyệt đối và việc hủy diệt bên tạo ra cái ác bằng cái ác là chân lý²⁸.

Luật Hamurabi chép:

“22. Nếu một người can tội cướp bóc và bị bắt, hắn sẽ bị xử tử.

196. Nếu một người phá hỏng mắt của người khác, người ta sẽ phá hỏng mắt của hắn.

197. Nếu hắn làm gãy xương người khác, người ta sẽ đập gãy xương hắn.

200. Nếu một người đánh gãy một cái răng của người khác, người ta sẽ đánh gãy răng hẳn”²⁹.

Bên cạnh Luật Hamurabi, ngay cả sách Ngũ thư trong Cựu Ước cũng có những đặc điểm rõ nét của việc dùng cái ác chống lại cái ác thời tôn giáo sơ hãi buổi sơ khai. Ở vào thời điểm này, sự hiểu biết về các mối quan hệ mang tính nhân quả đang ở mức rất thấp, hành động xấu cần phải chịu báo ứng ngay lập tức và rất quyết liệt được coi là luân lý vào thời kỳ đó. Từ nền tảng như vậy, Cựu Ước có quan điểm rất quyết liệt trong việc báo phục cái ác bằng cái ác. Giao ước với ông Noah sau Hồng thủy, Thiên Chúa phán: “Ta sẽ đòi mỗi người phải đền mạng sống của người anh em mình. Ai đổ máu con người, thì máu nó sẽ bị con người đổ ra vì Thiên Chúa đã làm ra con người theo hình ảnh của Thiên Chúa” (St 9, 6)³⁰. Giao ước Sinai chép: “Ai đánh chết người, thì phải bị giết chết” (Xh 21, 12)³¹.

Phương cách dùng cái ác, chống lại cái ác được người ta sử dụng trong thời gian dài, mà không nhận thấy chúng không thực sự hữu hiệu, cái ác vẫn nối tiếp cái ác. Dần dà, mối quan hệ giữa người với người trở nên phức tạp, người ta nhận ra rằng, dùng cái ác để chống lại cái ác là không hiệu quả về lâu dài và hơn nữa điều người này coi là ác thì người khác lại không cùng quan điểm. Vào thời gian Chúa Jesus rao giảng về bác ái, người ta nhận ra rằng, ngay tại Đế quốc La Mã, những điều Nero (Nê-rô) cho là ác và kiên quyết tiêu diệt bằng bạo lực thì lại có số đông người không coi đó là điều ác.

Tư tưởng bác ái của Công giáo trong Tân Ước tạo ra ngã rẽ cho việc chống lại cái ác bằng bác ái. Bước ngoặt quan trọng trong công cuộc chống lại cái ác được đánh dấu bằng những lời rao giảng của Chúa Jesus về yêu thương kẻ thù, vượt qua cái ác bằng bác ái. Tin Mừng Matthew chép: “Anh em đã nghe luật dạy rằng: Hãy yêu đồng loại và hãy thù ghét kẻ thù. Còn Thầy, Thầy bảo các con: Hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em. Như vậy anh em mới trở nên con cái Cha anh em, Đấng ngự trên trời”³². Thứ tự của việc chống lại cái ác bằng bác ái như sau.

Thứ nhất, chống lại cái ác bằng bác ái bắt đầu từ sự suy tư sâu sắc về quan hệ giữa bác ái và cái ác. Tư tưởng bác ái của Công giáo đã có những suy tư sâu sắc về việc dùng bác ái để chống lại cái ác. Xét ở góc độ mối quan hệ giữa cái ác với bác ái, cái ác không thuộc lĩnh vực bác

ái, bởi bác ái là thuộc tính của tồn tại đích thực, chính là Thiên Chúa, cái ác không thuộc lĩnh vực tồn tại vì thế cái ác phải bị đẩy trở về với không tồn tại. Xét theo góc độ sự phát triển của loài người theo quan điểm Sáng thế, cái ác là thứ xen vào đời sống con người, chứ không thuộc về con người từ khi mới sinh ra ở mỗi người cũng như ở loài người khi Thiên Chúa tạo ra từ bụi đất. Như vậy, cái ác là thứ phát sinh không mong muốn trong sự tồn tại của con người. Do là thứ ngoại lai, nên việc dùng bác ái là cái tồn tại đích thực để chống lại cái ác thuộc về không tồn tại đích thực là có cơ sở.

Thứ hai, dùng bác ái chống lại cái ác là để được tha thứ cho sự thiếu vẹn toàn do nhiễm nguyên tội. Để có thể dùng bác ái chống lại cái ác, người ta cần xem xét nghiêm chỉnh về sự bất toàn trong chính bản thân mình bởi đã nhiễm nguyên tội, chỉ có Thiên Chúa là đáng vẹn toàn và có quyền tha thứ mọi tội lỗi. Do vậy, muốn được Thiên Chúa tha cho mình, trước hết mình phải tha cho người, bởi chẳng có ai vẹn toàn. Việc muốn ngay lập tức trừng trị cái ác cho hả dạ chắc chắn là có, nhưng khi đã hiểu sự yếu đuối của con người trước cái ác, người ta biết thông cảm và bỏ qua những tội lỗi của người khác, cũng như khiêm tốn, nhìn nhận và tiếp thu những lời chỉ dạy của người xung quanh.

Thứ ba, dùng bác ái để chống lại cái ác cần nhiều hơn sự nhẫn nại, tha thứ và vượt qua chính mình. Theo quan điểm của Công giáo, việc dùng bác ái để chống lại cái ác có khởi nguồn từ Thiên Chúa đến với mỗi người, và hiện thực hóa điều này là việc của từng người. Vượt qua chính mình là bước khởi đầu rất khó khăn, bởi ai cũng có tính xác thịt như thù hận, muốn trả thù thêm vào đó, người ta đã quá quen với việc thực thi công lý theo lối mắt đền mắt, răng đền răng, máu trả máu, mạng đòi mạng.

Sự nhẫn nại là việc làm thực tế, dần thân để tha thứ và hoán cải cái ác. Sự nhẫn nại là nhằm phá bỏ thành trì của cái ác tận trong đáy sâu tâm hồn của kẻ đã làm hại người khác để cho tính thánh thiêng được Thiên Chúa gieo vào tận linh hồn người ta trở dậy. Sau nhẫn nại, dần thân là sự tha thứ, tha thứ để bác ái chiến thắng cái ác không hề đơn giản như việc bỏ qua cho cái ác, mà là sự tha thứ để hoán cải cái ác. Muốn làm được như vậy, tha thứ cần phải gắn với bao dung và tha thứ cho đến tận cùng như Chúa Jesus xin tha tội cho những kẻ sắp giết Ngài. Tha thứ cần đến mức cho cái ác thấy rằng, cái ác bất lực trước bác ái, bởi nếu còn so đo đáp trả cái ác thì cái ác sẽ chiến thắng bởi nó cần sự ác được tiếp nối, còn nếu

bác ái chiến thắng, thì cái ác phải trở về với tính không tồn tại của nó, còn bác ái là cái tồn tại vĩnh hằng nơi cội nguồn của nó là Thiên Chúa.

3.2. Bác ái của Công giáo là hạt nhân cho việc chuyển từ tôn giáo sợ hãi lên tôn giáo luân lý

Tôn giáo sợ hãi, vào thời kỳ sơ khai, con người không thể hiểu và không thể chế ngự được các hiện tượng thiên nhiên gây ra nguy hiểm cho họ như mưa gió, sấm sét, sông, biển, núi lửa. Kinh nghiệm sống của họ cho thấy, nếu không chế ngự được các mối hiểm nguy thì tốt nhất là thần phục nó. Với lối suy nghĩ như vậy cùng với trí tưởng tượng mà hàng loạt các vị thần ra đời như thần núi lửa gây ra núi lửa, thần sông, thần biển.. cho đến thần sinh nở. Kết quả khảo cổ tại Jericho (Giê-ri-chô), Israel cho thấy, khoảng gần 20 thế kỷ trước Công nguyên, người ta đã thờ cúng các nữ thần hộ mệnh, hoặc thần sinh nở³³.

Điều đặc biệt nhất của các tôn giáo sơ kỳ là việc, người ta thờ cúng các thần trong tâm thế sợ hãi. Kinh nghiệm truyền đời về sự ngẫu nhiên may mắn thoát nguy hiểm sau khi dâng cúng các thần đã làm người ta tin rằng, phải tiến hành nghi lễ, phải dâng lên các thần những vật hiến tế, những của lễ hậu hĩnh sẽ khiến các thần nguôi giận mà phù hộ cho con người hoặc chí ít cũng không trừng phạt³⁴.

Cựu Ước được người Do Thái viết ra đã tiên bộ, nhưng vẫn còn mang đậm nét của thời kỳ tôn giáo sợ hãi. Thiên Chúa trong Cựu Ước vẫn có lúc được miêu tả hết sức gây sợ hãi như Thiên Chúa xuất hiện bằng ngọn lửa, nói trong tiếng sấm, thành Edom (Xơ-đôm) bị Thiên Chúa hủy diệt, Thiên Chúa cũng phạt con cháu tới ba, bốn đời do tội lỗi của cha ông. Của lễ dâng lên Thiên Chúa cũng là các lễ toàn thiêu với chiên, dê, bò... Các hiện vật hiến tế được đốt lên trên bàn thờ cho vui lòng Thiên Chúa. Lề luật Chúa ban qua Moise dù đã nhiều yêu thương, nhưng cũng đòi hỏi đền nợ máu một cách sòng phẳng.

Tôn giáo luân lý. Trải qua thời gian, cùng với việc ngày càng hiểu biết hơn về thế giới khách quan là những cảm xúc về xã hội, gia đình ngày càng sâu sắc. Người ta nhận ra rằng, những hiện tượng thiên nhiên dường như có thể giải thích, chế ngự, hay đơn giản là tránh được. Người thân yêu thương nhất là cha mẹ, các vị minh quân, thánh chúa rồi cũng phải chết. Cùng với trải nghiệm là sự khát khao được chôn đất, yêu thương và che chở đã là động lực cho sự xuất hiện của Thiên Chúa và như một logic về sự phát triển trong tâm hồn và khát vọng của con người, vị Thiên

Chúa đó phải là Thiên Chúa của bác ái. Thiên Chúa yêu thương, che chở cho mọi người, là sự an ủi khi bất hạnh, là hân hoan khi niềm vui, là hy vọng trong tương lai, là Đấng ban thưởng cho những hành động thiện hảo. Tôn giáo sợ hãi đã được thay thế bằng tôn giáo luân lý, bác ái trở thành hạt nhân tư tưởng của tôn giáo luân lý và thể hiện rất rõ ràng trong Tân Ước.

Trong tôn giáo luân lý người ta vẫn còn sợ hãi, nhưng là nỗi sợ thiêng liêng, là nỗi sợ của bác ái. Đó là nỗi sợ được tình thương yêu truyền cảm hứng, là nỗi sợ dựa trên sự tôn kính đối với một người hay một sự vật mà người ta thương yêu. Điều này rất khác khi so sánh với việc sợ hãi bị trừng phạt bởi các quyền lực xấu xa. Tư tưởng bác ái đã là hạt nhân của tôn giáo luân lý, các nội dung của bác ái đã là hạt nhân của luân thường đạo lý cho người ta trong ứng xử với Thiên Chúa, cha mẹ, người thân và những người xung quanh.

Trên yêu kính Thiên Chúa. Trong cuộc sống bất cứ ai cũng phải tin vào một điều gì đó làm chỗ neo đậu cho phần linh hồn, đặt vào đó mọi ước mong, hy vọng và mong muốn sẽ có cuộc sống vĩnh hằng sau cái chết thể lý. Thiên Chúa là một hữu thể có khả năng mang lại cho người ta những điều như vậy vì Thiên Chúa là cội nguồn bác ái, là Đấng hằng hữu, an ủi những khổ đau, tha thứ cho mọi lỗi lầm, ban thưởng cho những ai sống trong tình bác ái cao cả. Do đó, theo luân lý Thiên Chúa là nơi mà người ta đặt hy vọng nhiều nhất, cũng là Đấng mà người ta phải phụng thờ.

Dưới hiếu thuận với cha mẹ. Sau Thiên Chúa là đến cha mẹ vì cha mẹ là những người được Thiên Chúa gửi gắm, trao cho quyền nuôi dạy mỗi người lớn khôn. Hiếu thuận với cha mẹ là luân lý đứng thứ hai sau yêu kính Thiên Chúa, nhưng lại là luân lý đầu tiên phải thực hiện với sự hiện hữu thực tế của cả hai bên. Ở một khía cạnh khác, làm tròn chữ hiếu với cha mẹ cũng chính là nhân cách và đạo đức làm người. Hiếu thuận với cha mẹ cũng cần đi kèm với việc chăm lo, dạy dỗ thế hệ mai sau bởi con cái là quà tặng của Thiên Chúa ban cho mỗi người. Để cho truyền thống hiếu kính cha mẹ kéo dài, tư tưởng bác ái cũng chỉ cho ta đường hướng yêu thương vô bờ bến, chăm sóc cho con cái để chúng trở thành những người có ích và hiếu thuận trong tương lai.

Chung thủy với người hôn phối. Theo tư tưởng bác ái, hôn nhân đã được thánh hóa với sự tự nguyện, hứa nguyện của cả hai bên với sự

chứng kiến của Thiên Chúa. Cuộc sống lứa đôi đã được Thiên Chúa xem là tốt lành từ khi tạo dựng nên thế giới này và chính Thiên Chúa là người đã phối hợp các cặp đôi vợ chồng, loài người không được phân ly. Thủy chung với người hôn phối cũng là việc coi người hôn phối là một phần khác của mình để chăm sóc cho nhau. Thủy chung với người hôn phối còn là việc loại trừ ham muốn tính dục ngoài hôn nhân bởi tính dục ngoài hôn nhân chỉ có tính xác thịt, bụi đất, nói cách khác là tính vật.

Thương yêu những người xung quanh. Mỗi người xung quanh được xem như một mảnh ghép và mọi người phải ghép với Chúa Jesus để được hoàn thiện. Ở một chiều cạnh khác, những người xung quanh, đặc biệt là những người nghèo khổ, khốn khó chính là hình ảnh của Thiên Chúa. Thiên Chúa thể hiện bản thân mình cho thế gian thông qua những người nghèo khổ bé mọn. Tư tưởng bác ái đề cao việc thương yêu tha nhân, coi đó là một trong các tiêu chuẩn của bác ái. Luân lý ở đây là việc sống và thương yêu mọi người.

Không tham lam của cái bất chính. Của cải trên thế gian có được là do Thiên Chúa ban tặng để con người hưởng dụng. Con người phải bỏ sức lao động ra tác động vào công trình tạo dựng của Thiên Chúa để lấy ra của cải vật chất phục vụ cho mình và trao lại cho những người đói khổ do không có các phương cách hữu hiệu để lấy ra phần của cải của mình. Chính vì lẽ đó, quyền sở hữu cá nhân về của cải theo nghĩa quản lý và hưởng dụng được Thiên Chúa trao ban cho mỗi người, còn quyền sở hữu hoàn toàn và tối thượng của cải thế gian thuộc về Thiên Chúa. Luân lý ở đây là việc ai ai cũng phải làm việc để tạo ra của cải, vật chất phục vụ cuộc sống của mình và cũng còn để giúp đỡ tha nhân, cây và không ra trái thì phải bị héo khô, người không lao động, nhưng lại ham muốn chiếm đoạt công sức của người khác thì bị Nước Trời từ chối.

Trung thực, tôn trọng chân lý. Trung thực trong cuộc sống được Chúa Jesus nhấn mạnh, sự thật sẽ giải thoát anh em khỏi tội lỗi, bởi dối trá là cha của quỷ dữ. Sự thật chính là con đường sống do đó nhất thiết người ta phải trung thực trong cuộc sống của mình và trong tương quan với người khác. Đi theo sự thật đồng nghĩa với việc nhiều khi phải chịu thiệt thòi, nhưng sự thật sẽ mãi là điều người ta muốn biết, muốn hướng tới và tìm kiếm nó. Luân lý ở điểm này là việc, bác ái từ Thiên Chúa đã khiến cho người ta một điểm tựa vững chắc từ sâu thẳm trong tâm hồn để hướng theo và hành động theo sự thật. Luân lý về sự thật cũng bác bỏ lối sống

gian manh, xảo quyết làm điều xằng bậy bởi chúng không giúp gì cho người ta khi hướng đến cái chân thiện mỹ, cũng như cuộc sống sau khi chết thể lý.

4. Kết luận

(1) Tư tưởng bác ái của Công giáo trong sách Tân Ước là những chuẩn mực đạo đức trong việc thiết lập mối quan hệ và quy tắc ứng xử tốt đẹp giữa con người với Thiên Chúa và giữa con người với con người. Trong đó, con người cần kính Chúa và yêu người theo một thứ tự có tính luân lý theo cả chiều dọc và chiều ngang. Theo chiều dọc, người ta phải yêu kính Thiên Chúa, đứng ở trên cao, sau đó phải yêu thương tha nhân là những người xung quanh mình. Thứ tự được xác định theo chiều dọc là trên kính Thiên Chúa, dưới yêu tha nhân. Theo chiều ngang, xem xét tư tưởng bác ái theo lát cắt ngang đời sống con người cho thấy, yêu kính Thiên Chúa, là việc lấp đầy phần linh hồn bằng Thiên Chúa, sau đó là việc dành cho tha nhân tình yêu ở phần tâm hồn và bằng hành động nơi thực tế.

(2) Kể từ khi Chúa Jesus rao giảng về bác ái, yêu thương kẻ thù, dùng cái thiện chống lại cái ác tới nay đã hơn 2.000 năm, con người vẫn chật vật tìm phương cách hóa giải cái ác, mở đường cho cái thiện, nhưng ở nhiều nơi cái ác vẫn hoành hành thậm chí đầy chất man rợ như chặt đầu, thiêu sống, mức độ man rợ không thua gì thời Trung cổ. Cái ác cũng đến từ mối quan hệ tài sản như bắt công, bóc lột lao động trẻ em... Cho đến nay, con người đã tìm ra được nguyên nhân cái ác và cũng mới chỉ tìm ra hai phương cách chống lại cái ác là dùng cái ác chống cái ác và dùng cái thiện chống lại cái ác. Tư tưởng bác ái là hạt nhân cho phương cách thứ hai và dường như chưa có phương cách thứ ba. Khó để nói rằng, bao giờ thì bác ái sẽ thắng cái ác, hay cứ phải chờ cho đến ngày tận thế, điều này lớn lao nhưng không gần gũi, điều gần gũi hơn lại là việc ở từng người biết vượt qua chính mình, cởi bỏ đi oán thù, yêu thương tha thứ cho nhau trong cuộc sống mới là điều thiết thực, mang lại niềm vui cho từng cá nhân và cho cộng đồng. Luân lý trong cuộc sống là các chuẩn mực đạo đức trong ứng xử với các đẳng bậc và với mọi người trong cuộc sống hàng ngày. Tư tưởng bác ái của Công giáo vẫn còn nguyên giá trị trong việc góp phần vào việc xây dựng nên cung cách ứng xử của con người trong cuộc sống. Mỗi người khi ra đời đều mang trong mình cả cái siêu ngã thiêng liêng và cả cái phi ngã thấp hèn, và sứ mệnh của bác ái là

hướng con người vượt qua cái thấp hèn để đến với cái thiêng liêng thông qua việc xác lập các chuẩn mực trong ứng xử với đấng thiêng liêng và những người xung quanh./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), *Kinh thánh ấn bản 2011* (nhóm phiên dịch các giờ kinh phụng vụ dịch), Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội: 328.
- 2 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:153.
- 3 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:2482.
- 4 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:2238.
- 5 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:2510.
- 6 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:2227.
- 7 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:2603.
- 8 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:2134.
- 9 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:2134.
- 10 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:2135.
- 11 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:2134.
- 12 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:2169.
- 13 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:2530.
- 14 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:2135.
- 15 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:1254.
- 16 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd: 2135.
- 17 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd: 2487.
- 18 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd: 2135.
- 19 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd: 2710.
- 20 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd: 2601.
- 21 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd: 154.
- 22 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd: 2134.
- 23 Word of Truth Publications (2015), *Hebraic Roots Bible with Study notes*, 3rd Edition, Jerusalem, Israel, p. 1418. Sự phân biệt tâm hồn với linh hồn, bản Kinh thánh Tiếng Anh gốc Hy Lạp: “For the Word of YAHWEH is living, and powerfully working, and sharper than every two-edged sword, and piercing as far as the division of both soul and spirit, of both joints and marrow and bones, and able to discern the thoughts and intentions of the heart” (Hebrew 4,12). Bản dịch: “Vì lời của Thiên Chúa sống động và đầy năng lực, sắc bén hơn gươm hai lưỡi, xuyên thấu, đến nỗi phân chia tâm hồn với linh hồn, khớp với tủy, xét đoán các tư tưởng, và ý định trong lòng người” (Dt 4:12).
- 24 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd: 2132.
- 25 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd:154.
- 26 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd: 2137.
- 27 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd: 1346.
- 28 Xem thêm: *Vương quốc Thiên Chúa ở trong ta*, Lev Tolstoi (2012), *Đường sống, văn thư nghị luận chọn lọc* (Phạm Vĩnh Cư dịch), Nxb. Tri thức, Hà Nội: 354.

- 29 Mortimer Chamber và các cộng sự (2004), *Lịch sử văn minh Phương Tây*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội: 18.
- 30 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd: 43.
- 31 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd: 155.
- 32 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), Sdd: 2135.
- 33 Mark Kishlansky, Partrick Geavy và Patricia O'Brien (2004), *Nền tảng văn minh Phương Tây*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội: 12.
- 34 Xem thêm: *Tôn giáo và Khoa học*, Albert Einstein (2015), *Thế giới như tôi thấy*, Nxb. Tri thức, Hà Nội: 35.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mortimer Chamber và các cộng sự. (2004), *Lịch sử văn minh Phương Tây*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Albert Einstein (2015), *Thế giới như tôi thấy*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
3. Lev Tolstoi (2012), *Đường sống, văn thư nghị luận chọn lọc*, Phạm Vĩnh Cư dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
4. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), *Kinh thánh ấn bản 2011*, Nhóm phiên dịch các giờ kinh phụng vụ dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2012), *Sách giáo lý của Hội thánh Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Mark Kishlansky, Partrick Geavy và Patricia O'Brien (2004), *Nền tảng văn minh Phương Tây*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Word of Truth Publications (2015), *Hebraic Roots Bible with Study notes*, 3rd Edition, Jerusalem, Israel.

Abstract

CARITAS IN THE NEW TESTAMENT AND ITS PRACTICAL SIGNIFICANCE

According to the Catholic philosophy, Caritas is human beings' love for God and for others (or brothers) as shown in the activity of those who believe in the power of God. In the New Testament, ideas of Caritas are clearly justified through preachings by Jesus Christ and the Apostles and it is briefly summarized in two dimensions: "reverence for God and love for others". The article analyses these two dimensions and the practical meaning of Caritas.

Keywords: Caritas, Catholicism, New Testament, morality.